

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **333** /SGDDĐT- KHTC  
V/v xác định chỉ tiêu tuyển sinh  
vào lớp 10 năm học 2025-2026

Hà Nội, ngày **05** tháng 02 năm 2025

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường có yếu tố nước ngoài thuộc Sở;
- Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, PTCS thuộc Sở;
- Giám đốc trung tâm GDNN-GDTX;
- Hiệu trưởng các trường trung cấp và cao đẳng.

Thực hiện Quyết định số 6399/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán chi ngân sách năm 2025 của thành phố Hà Nội, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội hướng dẫn các đơn vị xác định chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025 - 2026, nội dung cụ thể như sau:

**1. Cơ sở pháp lý triển khai thực hiện**

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14.

- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ ban hành Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

- Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ; Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 06/01/2022 xác thực văn bản hợp nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT; Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT. Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14/02/2024)

thay thế Thông tư số Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thực hiện Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường THPT chuyên; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú; Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

- Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông.

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

## **2. Về việc xây dựng kế hoạch trường lớp và xác định chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026**

### **2.1. Đối với các cơ sở giáo dục công lập và công lập tự chủ**

- Các đơn vị cần tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước của đơn vị theo Luật số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

- Triển khai thực hiện tốt việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội.

- Thực hiện quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và thu chi tài chính theo quy định.

## **2.2. Đối với các cơ sở giáo dục tư thục**

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 11/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý hoạt động các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

- Thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và thu chi tài chính, chấn chỉnh tình trạng thu chi trong nhà trường theo quy định.

## **2.3. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, các trường trung cấp và cao đẳng**

- Thực hiện Điều 43, Điều 44, Điều 45 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội.

- Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

## **3. Về việc công khai và biểu mẫu xác định chỉ tiêu tuyển sinh**

### **3.1. Về công khai**

Đối với các trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, các trường trung cấp và cao đẳng thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai.

### **3.2. Về biểu mẫu xác định chỉ tiêu tuyển sinh**

a) Đối với các trường trung học phổ thông công lập và trường trung học phổ thông công lập tự chủ

- Trường trung học phổ thông chuyên thực hiện theo Biểu mẫu A2.1, A2.2.

- Trường trung học phổ thông công lập và trường trung học phổ thông công lập tự chủ thực hiện theo Biểu mẫu A1.1, A1.2.

b) Đối với trường trung học phổ thông tư thục thực hiện theo Biểu mẫu A và kèm theo hồ sơ pháp lý theo quy định.

c) Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện theo Biểu mẫu B1.1, B1.2, B1.3, B1.4.

d) Đối với trường trung cấp và cao đẳng thực hiện theo Biểu mẫu C1.1, C1.2, C1.3; Hợp đồng liên kết và các hồ sơ pháp lý theo quy định.

e) Đối với các trường mầm non, tiểu học, PTCS thuộc Sở thực hiện theo Biểu mẫu D1.2, D1.2, D1.3.

(Có biểu mẫu chi tiết gửi kèm theo)

#### 4. Một số lưu ý trong công tác tuyển sinh năm học 2025-2026

- Đối với các cơ sở giáo dục công lập tự chủ, tự thực cam kết tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của đơn vị theo đúng thời gian quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các đơn vị đã tuyển vượt chỉ tiêu tuyển sinh của năm học trước và bị xử phạt vi phạm hành chính, Sở Giáo dục và Đào tạo trừ chỉ tiêu tuyển sinh của đơn vị đó vào năm tiếp theo.

- Đối với các đơn vị cố tình tuyển sinh khi chưa được giao chỉ tiêu tuyển sinh hoặc tuyển vượt chỉ tiêu tuyển sinh được giao khi chưa được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tuyển sinh sai quy định.

- Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ tình hình thực tế để xem xét việc không giao chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục chưa hoàn thiện cơ sở pháp lý về địa điểm hoạt động, chưa đảm bảo về quy hoạch mạng lưới trường học như đã cam kết; các cơ sở giáo dục chưa đảm bảo về phòng cháy chữa cháy theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền; các cơ sở giáo dục có tranh chấp khiếu kiện trong quá trình tổ chức hoạt động dạy và học, không đảm bảo trang thiết bị dạy học tối thiểu theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, không xây dựng cổng thông tin tuyển sinh theo hình thức trực tuyến và các nội dung khác có liên quan.

#### 5. Văn bản và thời gian nộp hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh

- Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh bằng văn bản gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Kế hoạch - Tài chính) và file dữ liệu gửi tới hộp thư: [thongke@hanoiedu.vn](mailto:thongke@hanoiedu.vn), giải đáp thông tin xin liên hệ Tổ Thống kê - Kế hoạch phát triển, điện thoại liên hệ 024.39.39.39.12.


- Thời gian nộp trước ngày 14/02/2025.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đề nghị Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện xác định chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026 đúng quy định./

##### Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Thế Cường**

**Biểu A1.1****THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN  
VÀ NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2025-2026****(Dành cho trường THPT công lập và trường công lập tự chủ)**

- Tên trường: .....
- Địa chỉ: ..... Điện thoại liên hệ : .....
- Hiệu trưởng: ..... Điện thoại liên hệ : .....
- Diện tích đất: .....m<sup>2</sup>, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất  
(có/chưa)....., Số sổ ....., ngày cấp (nếu có).

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH giao năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tăng /giảm	Kế hoạch năm 2025
1	<b>Tổng số cán bộ, giáo viên, CNV</b> (có mặt 30/12/2024). <i>Chia ra :</i>	Người				
	- Cán bộ quản lý	Người				
	Đạt chuẩn trở lên	Người				
	- Giáo viên	Người				
	<i>Trong đó: - Biên chế</i>	Người				
	<i>- Hợp đồng</i>	Người				
	Đạt chuẩn trở lên	Người				
	- Nhân viên	Người				
	<i>Trong đó: - Biên chế</i>	Người				
<i>- Hợp đồng</i>	Người					
2	<b>Tổng số lớp</b>	Lớp				
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	Lớp				
	<i>Lớp 11</i>	Lớp				
	<i>Lớp 12</i>	Lớp				
3	<b>Tổng số học sinh</b>	Học sinh				
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	Học sinh				
	<i>Lớp 11</i>	Học sinh				
	<i>Lớp 12</i>	Học sinh				

Người lập biểu

Hà Nội, ngày . . . tháng năm 20...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

( Ký, đóng dấu )

**Biểu A1.2****BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ**

Tên trường: .....

**A. Tình hình cơ sở vật chất:**

- Tổng diện tích đất:                    m<sup>2</sup>
- Tổng diện tích sử dụng:                m<sup>2</sup>
- Bình quân diện tích đất/học sinh (các huyện) hoặc diện tích sử dụng (các quận): ..... m<sup>2</sup>
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số: .....

**1. Phòng học văn hóa:**

Phòng học	Tổng số	Chia ra	
		Kiên cố	Bán kiên cố
Phòng học văn hóa			

**2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):**

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1. Vật lý				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
2. Hóa học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
3. Sinh học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
4. Công nghệ				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
5. Ngoại ngữ				
6. Tin học				
<i>Số máy vi tính</i>		x	x	x
7. Phòng Âm nhạc				
8. Phòng Mỹ thuật				
9. Phòng khoa học xã hội				
10. Phòng đa năng				

11. Thư viện				
<i>Số lượng sách, tài liệu tham khảo</i>		x	x	x
12. Nhà thể chất				
13. Phòng Y tế				

### 3. Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Tổng số: ..... nhà

Trong đó: Đạt chuẩn  Chưa đạt chuẩn

+ Nhà vệ sinh cho giáo viên: Tổng số: ..... nhà

Trong đó: Đạt chuẩn  Chưa đạt chuẩn

### B. Tình hình trang thiết bị:

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Đề nghị thay thế
1. Bàn ghế học sinh			
+ Loại 1 chỗ ngồi			
+ Loại 2 chỗ ngồi			
2. Bàn ghế giáo viên			
3. Bảng			
<i>Trong đó:</i> <i>Bảng thông minh</i>			
4. Máy vi tính			
<i>Chia ra:</i> <i>+ Dùng cho HS</i>			
<i>+ Dùng cho Quản lý</i>			
<i>+ Kết nối Internet</i>			
5. Số máy in, máy scan			
6. Máy chiếu Projecter			
7. Máy photocopy			
8. Tivi			
9. Khác			

Người lập biểu

Hà Nội ngày . . . tháng năm 2025

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu)

Biểu A2.1

**XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH**  
**VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**(Dành cho trường Trung học phổ thông có lớp chuyên )**

- Tên trường : .....
- Địa chỉ : ..... Điện thoại liên hệ : .....
- Hiệu trưởng: ..... Điện thoại liên hệ : .....

TT	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	KH giao năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tăng/ giảm	Kế hoạch năm 2025
1	<b>Tổng số cán bộ, giáo viên, CNV (có mặt 31/12/2023). Chia ra :</b>	Người				
	- Cán bộ quản lý	Người				
	Đạt chuẩn trở lên	Người				
	- Giáo viên	Người				
	<i>Trong đó : - Biên chế</i>	<i>Người</i>				
	<i>- Hợp đồng</i>	<i>Người</i>				
	Đạt chuẩn trở lên	Người				
	- Nhân viên	Người				
	<i>Trong đó : - Biên chế</i>	<i>Người</i>				
<i>- Hợp đồng</i>	<i>Người</i>					
2	<b>Tổng số lớp</b>	Lớp				
	<i>Chia ra:</i> <b>Hệ chuyên</b>	Lớp				
	<i>Lớp 10</i>	<i>Lớp</i>				
	<i>Lớp 11</i>	<i>Lớp</i>				
	<i>Lớp 12</i>	<i>Lớp</i>				
	<b>Hệ không chuyên</b>	Lớp				
	<i>Lớp 10</i>	<i>Lớp</i>				
	<i>Lớp 11</i>	<i>Lớp</i>				
	<i>Lớp 12</i>	<i>Lớp</i>				
	<b>Hệ song bằng</b>	Lớp				
	<i>Lớp 10</i>	<i>Lớp</i>				
	<i>Lớp 11</i>	<i>Lớp</i>				
	<i>Lớp 12</i>	<i>Lớp</i>				
3	<b>Tổng số học sinh</b>	Học sinh				
	<i>Chia ra:</i> <b>Hệ chuyên</b>	Học sinh				
	<i>Lớp 10</i>	<i>Học sinh</i>				



TT	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	KH giao năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tăng/giảm	Kế hoạch năm 2025
	Lớp 11	Học sinh				
	Lớp 12	Học sinh				
	<b>Hệ không chuyên</b>	Học sinh				
	Lớp 10	Học sinh				
	Lớp 11	Học sinh				
	Lớp 12	Học sinh				
TT	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	KH giao năm 2022	Thực hiện năm 2022		Kế hoạch năm 2023
<b>3</b>	<b>Hệ song bằng</b>	Học sinh				
	Lớp 10	Học sinh				
	Lớp 11	Học sinh				
	Lớp 12	Học sinh				
<b>3</b>	<b>Trong đó: Số học sinh lớp 10 hệ chuyên</b>	Học sinh				
	<i>Chia ra:</i>					
	<i>Chuyên Ngữ văn</i>	Học sinh				
	<i>Chuyên Lịch sử</i>	Học sinh				
	<i>Chuyên Địa lý</i>	Học sinh				
	<i>Chuyên tiếng Anh</i>	Học sinh				
	<i>Chuyên tiếng Nga</i>	Học sinh				
	<i>Chuyên tiếng Trung</i>	Học sinh				
	<i>Chuyên tiếng Pháp</i>	Học sinh				
	<i>Chuyên Toán học</i>	Học sinh				
	<i>Chuyên Tin học</i>	Học sinh				

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>KH giao năm 2024</b>	<b>Thực hiện năm 2024</b>	<b>Tăng/giảm</b>	<b>Kế hoạch năm 2025</b>
	<i>Chuyên Vật lý</i>	<i>Học sinh</i>				
	<i>Chuyên Hoá học</i>	<i>Học sinh</i>				
	<i>Chuyên Sinh học</i>	<i>Học sinh</i>				
	<i>Chuyên .....</i>	<i>Học sinh</i>				
	<i>Chuyên .....</i>	<i>Học sinh</i>				

**Người lập biểu**

*Hà Nội ngày . . . tháng năm 2025*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

( Ký, đóng dấu )

Biểu A2.2

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ

Tên trường : .....

**A. Tình hình cơ sở vật chất :**

- Tổng diện tích đất:                    m<sup>2</sup>
- Tổng diện tích sử dụng:                m<sup>2</sup>
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số:

**1. Phòng học văn hóa:**

Phòng học	Tổng số	<i>Chia ra</i>		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa				

**2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):**

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn <i>(ghi rõ nội dung chưa đạt)</i>
1. Vật lý				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
2. Hóa học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
3. Sinh học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
4. Công nghệ				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
5. Ngoại ngữ				
6. Tin học				
<i>Số máy vi tính</i>		x	x	x
7. Phòng đa năng				
8. Thư viện				
<i>Số lượng sách, tài liệu tham khảo</i>		x	x	x
9. Nhà thể chất				
10. Phòng Y tế				

### 3. Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Tổng số: ..... nhà

Trong đó: Đạt chuẩn  Chưa đạt chuẩn

+ Nhà vệ sinh cho giáo viên: Tổng số: ..... nhà

Trong đó: Đạt chuẩn  Chưa đạt chuẩn

### B. Tình hình trang thiết bị:

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Đề nghị thay thế
1. Bàn ghế học sinh			
+ Loại 1 chỗ ngồi			
+ Loại 2 chỗ ngồi			
2. Bàn ghế giáo viên			
3. Bảng			
<i>Trong đó:</i> <i>Bảng thông minh (hoặc</i> <i>Tivi)</i>			
4. Máy vi tính			
<i>Chia ra:</i>			
+ <i>Dùng cho HS</i>			
+ <i>Dùng cho Quản lý</i>			
+ <i>Kết nối Internet</i>			
5. Số máy in			
6. Máy chiếu Projecter			
7. Máy photocopy			
8. Máy phát điện			
9. Khác			

Người lập biểu

Hà Nội ngày ... tháng năm 2025

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu)

**XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH  
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2025 - 2026**

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....Mail:.....

Hiệu trưởng: ..... Điện thoại:.....Mail:.....

Căn cứ xác định chỉ tiêu:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14;

- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ ban hành Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

- Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông; Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông;

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 11/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý hoạt động các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Nội dung xác định như sau :

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức bộ máy và đội ngũ**

#### **Tiêu chí 1. Trường học**

- Quyết định thành lập.
- Quyết định chuyển đổi hoặc Quyết định đổi tên trường (nếu có).
- Quyết định cấp phép hoạt động hoặc chuyển địa điểm hoạt động (nếu có).
- Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu và công tác quản lý dấu.
- Quy chế tổ chức và hoạt động.

Tự đánh giá: Đạt  Không đạt

#### **Tiêu chí 2. Các tổ chức đoàn thể**

- Quyết định công nhận Hội đồng trường/Hội đồng quản trị.
- Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng.
- Tổ chức Đảng, số đảng viên.
- Tổ chức Công đoàn
- Tổ chức Đoàn TNCSHCM.

Tự đánh giá: Đạt  Không đạt

#### **Tiêu chí 3. Đội ngũ**

- Cán bộ quản lý
- + Hiệu trưởng ..... Trình độ đại học:..... ; trên đại học:.....
- + Phó hiệu trưởng ..... Trình độ đại học:..... ; trên đại học:.....
- Tổng số giáo viên: .....người
- + Trình độ giáo viên đại học:..... người; trên đại học:..... người.
- + Giáo viên cơ hữu: .....người, chiếm .....%.
- + Giáo viên thỉnh giảng (có hợp đồng thỉnh giảng):... người, chiếm....%.
- Tổng số nhân viên: ..... (cơ hữu:.....người, chiếm .....%), trong đó:
- + Bộ phận hành chính: .....người.
- + Cán bộ thí nghiệm: .....người.
- + Cán bộ thư viện: .....người.
- + Nhân viên y tế: .....người.
- + Nhân viên kế toán: .....người.

Tự đánh giá: Đạt  Không đạt

(Chú ý: Định mức giáo viên với THPT là 2,25 GV/lớp, có đủ các bộ môn với trình độ từ ĐH trở lên, nếu tổng số GV thấp hơn định mức thì không đạt. GV cơ hữu có đóng BHXH hoặc có hợp đồng dài hạn, thời gian làm việc liên tục tại đơn vị. Tỷ lệ GV cơ hữu cấp THPT nếu ít hơn 40% thì coi như tiêu chí này không đạt).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: Đạt  Không đạt

(Chú ý: Nguyên tắc đánh giá tiêu chuẩn 1, điều kiện tiên quyết có Hiệu trưởng và tỷ lệ GV cơ hữu phải đạt tối thiểu 40%. Nếu vi phạm điều kiện tiên quyết thì tiêu chuẩn 1 không đạt).

## **Tiêu chuẩn 2: Về cơ sở vật chất**

### **Tiêu chí 1. Diện tích đất trường học**

- Diện tích đất, diện tích sử dụng đảm bảo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có sân chơi bãi tập cho học sinh (*tiêu chuẩn diện tích sân trường 1,50 m<sup>2</sup>/học sinh, sân thể dục thể thao 0,35 m<sup>2</sup>/học sinh nhưng tổng diện tích sân không được nhỏ hơn 350 m<sup>2</sup>*) và khoảng cách không quá 200 m so với chỗ học.

- Nhà vệ sinh

+ Có đủ khu vệ sinh giáo viên nam, giáo viên nữ riêng.

+ Có đủ khu vệ sinh học sinh nam, học sinh nữ riêng.

*Tự đánh giá: Đạt  Không đạt*

### **Tiêu chí 2. Quyền sử dụng đất và tài sản**

- Đối với cơ sở thuê mượn địa điểm:

+ Hợp đồng thuê mượn còn thời hạn ít nhất là 03 năm học:.....

+ Bên cho thuê phải có đủ cơ sở pháp lý quy định:.....

+ Chức năng sử dụng đất: .....

- Đối với các cơ sở được giao đất:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số số:..... Cấp ngày tháng năm

+ Chức năng sử dụng đất: .....

+ Các giấy tờ khác có liên quan: Giấy phép xây dựng, Nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, Nghiệm thu PCCC ....

*Tự đánh giá: Đạt  Không đạt*

### **Tiêu chí 3. Phòng học, phòng bộ môn và thư viện**

- Có đủ phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Diện tích phòng học tối thiểu 1,5 m<sup>2</sup>/học sinh*).

- Phòng bộ môn, khôi phục vụ học tập theo quy định theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Diện tích phòng học tối thiểu 2 m<sup>2</sup>/học sinh*).

- Thư viện: Đạt chuẩn  Không đạt chuẩn

- Phòng Y tế.

- Sơ đồ vị trí phòng học, phòng học bộ môn, các phòng chức năng, thư viện, khu làm việc của trường, sân chơi, nhà thể chất,...

*Tự đánh giá: Đạt  Không đạt*

### **Tiêu chí 4. Trang thiết bị và danh mục thiết bị dạy học tối thiểu**

- Trang thiết bị dạy học

+ Phòng máy tính (*đảm bảo 02 học sinh/một máy*).

+ Đầy đủ bàn, bàn ghế cho giáo viên và học sinh theo quy định.

+ Đầy đủ hệ thống chiếu sáng học đường theo quy định.

- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
  - + Có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
  - + Có hóa đơn tài chính và hợp đồng mua sắm thiết bị.
- Trang thiết bị và đồ dùng dạy học tự làm.

Tự đánh giá: Đạt  Không đạt

**Tiêu chí 5. Điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo an toàn**

- Đối với công trình xây dựng trường học:
  - + Giấy cấp phép quy hoạch/Giấy cấp phép xây dựng.
  - + Văn bản nghiệm thu công trình của cơ quan có thẩm quyền.
  - + Tầng cao của công trình bố trí phòng học.
- Điều kiện về phòng cháy chữa cháy
  - + Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy.
  - + Phương án phòng cháy chữa cháy của đơn vị.
  - + Danh sách cán bộ, nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ về PCCC.

Tự đánh giá: Đạt  Không đạt

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: Đạt  Không đạt

(Chú ý: Nguyên tắc đánh giá tiêu chuẩn 2, điều kiện tiên quyết là nhà trường đảm bảo điều kiện phòng cháy chữa cháy và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc có Hợp đồng thuê mượn địa điểm theo đúng quy định; không sử dụng tầng cao công trình từ tầng 5 trở lên làm phòng học. Nếu vi phạm điều kiện tiên quyết thì tiêu chuẩn 2 không đạt).

**Tiêu chuẩn 3: Công tác chuyên môn**

**Tiêu chí 1. Công tác chỉ đạo của chuyên môn**

- Sổ Nghị quyết, sổ họp hội đồng sư phạm, sổ đăng bộ, sổ theo dõi đánh giá học sinh theo lớp, sổ ghi đầu bài, sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ, hồ sơ khen thưởng, kỷ luật ...
- Kế hoạch chỉ đạo chuyên môn: Kế hoạch giáo dục năm học, Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, Kế hoạch tổ chức dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp, Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn,...

- Kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

Tự đánh giá: Đạt  Không đạt

**Tiêu chí 2. Tổ nhóm chuyên môn và giáo viên**

- Sổ sách sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo quy định.
- Hồ sơ sổ sách của từng giáo viên theo quy định.
- Sổ chủ nhiệm.

Tự đánh giá: Đạt  Không đạt

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: Đạt  Không đạt

**Tiêu chuẩn 4: Công tác tài chính**

**Tiêu chí 1. Công tác thu và chi**

- Công tác thu
  - + Tổng thu học phí:.....VNĐ.
  - + Tổng các khoản thu khác của trường: .....VNĐ.



+ Mức thu học phí bình quân của 01 học sinh/1tháng:

Năm học	Học phí lớp 10 (VNĐ)	Học phí lớp 11 (VNĐ)	Học phí lớp 12 (VNĐ)
2024 - 2025			
2025 - 2026			
2026 - 2027			
2027 - 2028			

- Công tác chi

Tổng chi:..... đồng, trong đó:

- + Chi trả lương và các khoản khác theo lương:..... VNĐ, tỷ lệ chi ...%.
- + Chi mua sắm trang thiết bị, sách thư viện:..... VNĐ, tỷ lệ chi ...%.
- + Chi đầu tư cơ sở vật chất :..... VNĐ, tỷ lệ chi ...%.
- + Chi đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động:..... VNĐ, tỷ lệ chi ...%.
- + Chi đóng bảo hiểm y tế cho người lao động:..... VNĐ, tỷ lệ chi ...%.
- + Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hoạt động phong trào ...): .....

Tự đánh giá: Đạt  Không đạt

(Chú ý: Nếu đơn vị không công khai mức thu học phí và mức chi thì tiêu chí này không đạt).

**Tiêu chí 2. Thực hiện báo cáo tài chính**

- Mở sổ sách tài chính theo quy định.
- Đăng ký mã số thuế theo quy định
- Báo cáo tài chính và quyết toán thuế năm T (T=năm tuyển sinh -1).
- Báo cáo Kiểm kê định giá giá trị tài sản năm T (T=năm tuyển sinh -1).
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm T (T=năm tuyển sinh -1).
- Nộp báo cáo tài chính năm cho cơ quan quản lý tài chính và giáo dục cấp trên năm T (T=năm tuyển sinh -1).
- Bảng lương của trường (12 tháng/năm tuyển sinh -1).
- Quy chế chi tiêu nội bộ (năm tuyển sinh -1).

Tự đánh giá: Có  Không

**Tiêu chí 3. Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/TT-BGDĐT**

- Biểu mẫu cam kết thực hiện ba công khai theo quy định (gồm có: Quy mô lớp và học sinh; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường...).

- Hình thức công khai (trên bảng tin của nhà trường và cổng thông tin của nhà trường).

- Thực hiện thông tin báo cáo định kỳ.

Tự đánh giá: Có  Không

**Tự đánh giá tiêu chuẩn 4:** Đạt  Không đạt

(Chú ý: Nguyên tắc đánh giá về tiêu chuẩn 4, điều kiện tiên quyết đơn vị có đủ báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán năm 2022 và năm 2023, nếu thiếu thì tiêu chuẩn 4 không đạt; Báo cáo Tài chính có đầy đủ các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa; các hồ sơ theo quy định của cơ quan thuế và Thông báo chấp nhận việc nộp hồ sơ của cơ quan thuế đối với báo cáo của đơn vị;

thực hiện nghiêm túc Luật Bảo hiểm xã hội, đóng bảo hiểm xã hội cho giáo viên cơ hữu và người lao động trong đơn vị theo đúng quy định).

## **Tiêu chuẩn 5. Công tác tuyển sinh và Kiểm định chất lượng giáo dục**

### **Tiêu chí 1. Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh**

1. Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Việc kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; bảo đảm tính toàn diện, công bằng, trung thực, khách quan, vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên khuyến khích học sinh tiến bộ; chú trọng đánh giá quá trình học tập của học sinh; đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; không so sánh học sinh này với học sinh khác và không gây áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

3. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thì được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không dự thi tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp không đạt yêu cầu thì được hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

4. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh được thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, bảo đảm yêu cầu đánh giá vì sự phát triển học sinh, thúc đẩy các phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Tự đánh giá: Có  Không

### **Tiêu chí 2. Thực hiện quy định về tuyển sinh**

+ Thời gian tuyển sinh có đúng theo quy định không.

+ Địa điểm tuyển sinh có đúng theo như đã đăng ký không.

+ Đã có đăng ký tuyển sinh theo hình thức trực tuyến không.

+ Chi tiêu giao. Số học sinh đã tuyển.

+ Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Tự đánh giá: Có  Không

### **Tiêu chí 3. Quản lý hồ sơ học sinh.**

+ Hồ sơ tuyển sinh (Hợp lệ/không lệ):

+ Danh sách học sinh chuyển đi, chuyển đến, bỏ học.

+ Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

Tự đánh giá: Có  Không

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: Đạt  Không đạt

**Chú ý:** Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh đảm bảo đủ điều kiện và có kèm theo minh chứng pháp lý theo quy định; Đơn vị nào vi phạm một trong ba tiêu

chuẩn (Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 4) sẽ không đủ điều kiện tuyển sinh.

*Cam kết tổ chức đăng ký tuyển sinh theo hình thức trực tuyến năm học 2025-2026 theo đúng thời gian quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.*

Có  Không

**NHÀ ĐẦU TƯ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2025  
**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 1: Biểu tổng hợp giáo viên và trình độ giáo viên**

TT	Giáo viên môn	Tổng số	Chia ra		Chia theo trình độ đào tạo			
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Khác
1	Ngữ văn							
2	Lịch sử							
3	Địa lý							
4	GDCông dân							
5	Tiếng Anh							
6	N.Ngữ khác							
7	Toán học							
8	Vật lý							
9	Hóa học							
10	Sinh học							
11	Công nghệ							
12	Tin học							
13	GD thể chất							
14	GD quốc phòng							
15	Mỹ thuật							
16	Âm nhạc							
	<b>Tổng cộng</b>							
	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>x</b>						

*(Có danh sách giáo viên kèm theo)*

**NHÀ ĐẦU TƯ (CHỦ TỊCH HĐQT)**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ngày tháng năm 2025*  
**HIỆU TRƯỞNG**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 2: Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GDĐT**

TT	Môn học	Đơn vị tính	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Ghi chú
1	Toán học					
2	Vật lý					
3	Hoá Học					
4	Sinh học					
5	Địa lý					
6	Công nghệ					
7	Giáo dục công dân					
8	Lịch sử					
9	Tin học					
10	Văn học					
11	Ngoại ngữ					
12	GD quốc phòng					
13	GD Thể chất					
14	Âm nhạc					
15	Mỹ thuật					
16	Thiết bị dùng chung					

**NHÀ ĐẦU TƯ (CHỦ TỊCH HĐQT)**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2025  
**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

### Phụ lục 3: Trang thiết bị phục vụ dạy học

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Không sử dụng được
1. Bàn ghế học sinh			
+ Loại 1 chỗ ngồi			
+ Loại 2 chỗ ngồi			
2. Bàn ghế giáo viên			
3. Bảng			
+ Bảng viết			
+ Bảng thông minh hoặc Tivi			
4. Máy vi tính			
<i>Chia ra:</i>			
+ Dùng cho HS			
+ Dùng cho Quản lý			
+ Kết nối Internet			
5. Số máy in, máy scan			
6. Máy chiếu Projecter			
7. Máy chiếu vật thể			
8. Máy photocopy			
9. Khác			

**NHÀ ĐẦU TƯ (CHỦ TỊCH HĐQT)**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2025  
**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 4: Cơ sở vật chất

### 1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất:  $m^2$
- Tổng diện tích sử dụng:  $m^2$
- Tổng diện tích sân chơi:  $m^2$
- Bình quân diện tích đất hoặc diện tích sử dụng/học sinh:  $m^2$

### 2. Phòng học văn hóa

Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Bán kiên cố	Cấp 4
Phòng học văn hóa				

### 3. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm, chức năng)

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn <i>(ghi rõ nội dung chưa đạt)</i>
1. Vật lý				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
2. Hóa học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
3. Sinh học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
4. Công nghệ				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
5. Ngoại ngữ				
6. Tin học				
<i>Số máy vi tính</i>		x	x	x
7. Phòng đa năng				
8. Âm nhạc				
9. Mỹ thuật				
10. Thư viện				
<i>Số lượng sách, tài liệu tham khảo</i>		x	x	x
11. Nhà thể chất				
12. Phòng Y tế				

**NHÀ ĐẦU TƯ (CHỦ TỊCH HĐQT)**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2025  
**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 5: Công tác tuyển sinh**

	Năm học 2024 - 2025			Dự kiến năm học 2025-2026
	Chỉ tiêu giao	Thực hiện	Tăng/giảm	
<b>1. Tổng số lớp</b>				
<i>Lớp 10</i>				
<i>Lớp 11</i>				
<i>Lớp 12</i>				
<b>2. Tổng số học sinh</b>				
<i>Lớp 10</i>				
<i>Lớp 11</i>				
<i>Lớp 12</i>				

**NHÀ ĐẦU TƯ (CHỦ TỊCH HĐQT)**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2025  
**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Biểu B1.1****XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH  
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2025 - 2026**

Tên Trung tâm GDNN-GDTX: .....

Địa chỉ : ..... Điện thoại liên hệ : .....

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH giao năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tăng hoặc giảm so với KH	KH năm 2025
<b>A</b>	<b>Số học viên học tại Trung tâm</b>					
<b>1</b>	<b>Tổng số lớp</b>	Lớp				
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	<i>Lớp</i>				
	<i>Lớp 11</i>	<i>Lớp</i>				
	<i>Lớp 12</i>	<i>Lớp</i>				
<b>2</b>	<b>Tổng số học viên</b>	Học viên				
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	<i>Học viên</i>				
	<i>Lớp 11</i>	<i>Học viên</i>				
	<i>Lớp 12</i>	<i>Học viên</i>				
<b>B</b>	<b>Liên kết với các trường CD, TCCN - Dạy nghề</b>	Số đơn vị				
<b>1</b>	<b>Tổng số lớp</b>	Lớp				
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	<i>Lớp</i>				
	<i>Lớp 11</i>	<i>Lớp</i>				
	<i>Lớp 12</i>	<i>Lớp</i>				
<b>2</b>	<b>Tổng số học viên</b>	Học viên				
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	<i>Học viên</i>				
	<i>Lớp 11</i>	<i>Học viên</i>				
	<i>Lớp 12</i>	<i>Học viên</i>				

Người lập biểu

Hà Nội, ngày . . . tháng năm 2025

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

( Ký, đóng dấu )

**Biểu B1.2****BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ**

Tên Trung tâm GDNN-GDTX: .....

**A. Tình hình cơ sở vật chất :**

- Tổng diện tích đất:                    m<sup>2</sup>
- Tổng diện tích sử dụng:                    m<sup>2</sup>
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số:
- Bình quân diện tích đất (các huyện) hoặc diện tích sử dụng (các quận)/học sinh:

**1. Phòng học văn hóa:**

Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa				

**2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):**

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1. Vật lý				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
2. Hóa học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
3. Sinh học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
4. Công nghệ				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
5. Ngoại ngữ				
6. Tin học				
<i>Số máy vi tính</i>		<i>x</i>	<i>x</i>	
7. Âm nhạc				
8. Mĩ thuật				
9. Phòng đa năng				
10. Thư viện				

Số lượng sách, tài liệu tham khảo		x	x	x
11. Nhà thể chất				
12. Phòng Y tế				

**3. Nhà vệ sinh:**

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Đạt chuẩn  Chưa đạt chuẩn

+ Nhà vệ sinh cho giáo viên: Đạt chuẩn  Chưa đạt chuẩn

**B. Tình hình trang thiết bị:**

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Đề nghị thay thế
1. Bàn ghế học sinh			
+ Loại 1 chỗ ngồi			
+ Loại 2 chỗ ngồi			
2. Bàn ghế giáo viên			
3. Bàn			
<i>Trong đó:</i> <i>Bảng thông minh</i>			
4. Máy vi tính			
<i>Chia ra:</i> <i>+ Dành cho HS</i>			
<i>+ Dành cho Quản lý</i>			
<i>+ Kết nối Internet</i>			
5. Số máy in, scan			
6. Máy chiếu Projecter			
7. Máy photocopy			
8. Tivi			
9. Khác			

**Người lập biểu**

Hà Nội ngày . . . tháng năm 2025

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu)

**Biểu B1.3****ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN  
NĂM HỌC 2025 - 2026**

Tên Trung tâm GDNN-GDTX: .....

Địa chỉ : ..... Điện thoại liên hệ : .....

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH giao năm 2024	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1.	<b>Tổng số cán bộ, giáo viên, CNV</b> (có mặt 31/12/2024). <i>Chia ra :</i>	Người			
	1. Cán bộ quản lý	Người			
	Đạt chuẩn trở lên	Người			
2.	2. Giáo viên	Người			
	<i>Trong đó: - Biên chế</i>	Người			
	<i>- Hợp đồng</i>	Người			
	Đạt chuẩn trở lên	Người			
3.	3. Nhân viên	Người			
	<i>Trong đó: - Biên chế</i>	Người			
	<i>- Hợp đồng</i>	Người			

Người lập biểu

Hà Nội, ngày . . . tháng năm 2025

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
( Ký, đóng dấu )

**Biểu B1.4****DANH SÁCH ĐƠN VỊ LIÊN KẾT  
NĂM HỌC 2025 - 2026****Tên Trung tâm GDNN-GDTX:** .....**Địa chỉ :** ..... **Điện thoại liên hệ :** .....

TT	Tên đơn vị liên kết	Địa chỉ đào tạo	Số học viên năm học 2024-2025			Số học viên dự kiến năm học 2025-2026		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1								
2								
3								
4								
5								

**Người lập biểu***Hà Nội ngày ... tháng năm 2025***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký, đóng dấu)*

**XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU LIÊN KẾT DẠY CHƯƠNG TRÌNH GDTX  
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2025 - 2026**

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ đào tạo:.....

Điện thoại liên hệ: ..... Mail:.....

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tăng/giảm
1	Tổng số lớp	Lớp			
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	<i>Lớp</i>			
	<i>Lớp 11</i>	<i>Lớp</i>			
	<i>Lớp 12</i>	<i>Lớp</i>			
2	Tổng số học viên	Học viên			
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	<i>Học viên</i>			
	<i>Lớp 11</i>	<i>Học viên</i>			
	<i>Lớp 12</i>	<i>Học viên</i>			

Người lập biểu

Hà Nội, ngày . . . tháng năm 2025

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

( Ký, đóng dấu )

Biểu C1.2

**DANH SÁCH CÁN BỘ, GIÁO VIÊN THAM GIA QUẢN LÝ, GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH GDTX  
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2025-2026  
TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP (CAO ĐẲNG).....**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ	Ghi chú
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								
11								
.....								

Chú ý: Danh sách bao gồm các cán bộ, giáo viên tham gia của hai đơn vị thực hiện liên kết.

Người lập biểu

TRUNG TÂM GDNN-GDTX

Hà Nội, ngày . . . tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

( Ký, đóng dấu )

Biểu C1.3

**CƠ SỞ VẬT CHẤT LIÊN KẾT DẠY CHƯƠNG TRÌNH GDTX  
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2025 - 2026**

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ: .....

Tổng diện tích đất hoặc diện tích sử dụng (m<sup>2</sup>):.....

TT	Nội dung	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	Phòng học			
2	Phòng học bộ môn			
	<i>Chia ra:</i>			
	Phòng Vật lý			
	Phòng Hóa học			
	Phòng Sinh học			
	Phòng Tin học			
	Phòng đa năng			
	Phòng khác			
3	Thư viên			
4	Khác			

Người lập biểu

Hà Nội, ngày . . . tháng ... năm 2025

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

( Ký, đóng dấu )



**BIỂU ĐỘI NGŨ**

Tên trường : .....

Địa chỉ : .....

Điện thoại liên hệ : ..... Website: .....

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH giao năm 2024	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
<b>Tổng số cán bộ, giáo viên, CNV</b> (có mặt 30/12/2024). <i>Chia ra :</i>	Người			
1. Cán bộ quản lý	Người			
Đạt chuẩn trở lên	Người			
2. Giáo viên	Người			
<i>Trong đó: - Biên chế</i>	Người			
<i>- Hợp đồng</i>	Người			
Đạt chuẩn trở lên	Người			
3. Nhân viên	Người			
<i>Trong đó: - Biên chế</i>	Người			
<i>- Hợp đồng</i>	Người			

**Người lập biểu**

*Hà Nội, ngày . . . tháng năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

( Ký, đóng dấu )

**TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ**

Tên trường : .....

**A. Tình hình cơ sở vật chất :**

- Tổng diện tích đất:                    m<sup>2</sup>;
- Tổng diện tích sử dụng:                    m<sup>2</sup>;
- Bình quân diện tích đất/học sinh: .....
- Số Sổ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

**1. Phòng học văn hóa:**

Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Bán kiên cố	Ghi chú
Phòng học văn hóa				

**2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):**

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1. Vật lý				
Phòng chuẩn bị TH				
2. Hóa học				
Phòng chuẩn bị TH				
3. Sinh học				
Phòng chuẩn bị TH				
4. Công nghệ				
Phòng chuẩn bị TH				
5. Ngoại ngữ				
6. Tin học				
7. Phòng âm nhạc				
8. Phòng Mỹ thuật				
9. Phòng khoa học xã hội				
10. Phòng đa năng				

11. Thư viện				
Số lượng sách, tài liệu tham khảo		x	x	x
12. Nhà thể chất				
13. Phòng Y tế				
14. Phòng khác				

### 3. Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Tổng số: ..... nhà

Trong đó: Đạt chuẩn  Chưa đạt chuẩn

+ Nhà vệ sinh cho giáo viên: Tổng số: ..... nhà

Trong đó: Đạt chuẩn  Chưa đạt chuẩn

### B. Tình hình trang thiết bị:

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Đề nghị thay thế
1. Bàn ghế học sinh			
+ Loại 1 chỗ ngồi			
+ Loại 2 chỗ ngồi			
2. Bàn ghế giáo viên			
3. Bảng			
<i>Trong đó:</i> <i>Bảng thông minh, Tivi</i>			
4. Máy vi tính			
<i>Chia ra:</i> <i>+ Dùng cho HS</i>			
<i>+ Dùng cho Quản lý</i>			
<i>+ Kết nối Internet</i>			
5. Số máy in, Scan			
6. Máy chiếu Projecter			
7. Máy photocopy			
8. Khác			

Người lập biểu

Hà Nội ngày ... tháng ... năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký, đóng dấu)